

ESR6-500Z20R

Tải trọng tối đa 6 kg với tầm với tối đa 500 mm.

» Đặc Điểm Chính

- **Chu kỳ nhanh, độ chính xác cao:** Thời gian chu kỳ tiêu chuẩn nhanh nhất đạt 0.346 giây. Độ chính xác định vị của robot đạt 0.02 mm
- **Độ cứng cao, rung động thấp:** Thiết kế thân robot được tối ưu về kết cấu và độ cứng, kết hợp với các chức năng triệt tiêu rung động chủ động, giúp giảm thiểu rung lắc ngay hiệu quả.
- **Dễ bảo trì và khả năng mở rộng cao:** Thiết kế cáp và pin có cấu trúc tháo rời cho phép thay thế robot ngay bên trong thiết bị. Ngoài ra, việc tích hợp sẵn cáp mạng cho camera giúp dễ dàng mở rộng các phương thức giao tiếp khác nhau.



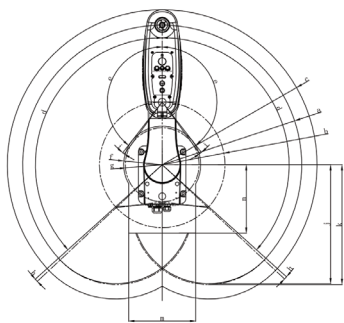
» Ứng dụng

- Thiết bị có thể được sử dụng trong các công đoạn: Gắp đặt (handling), phân loại (sorting), lắp ráp (assembly) và các tác vụ tương tự.

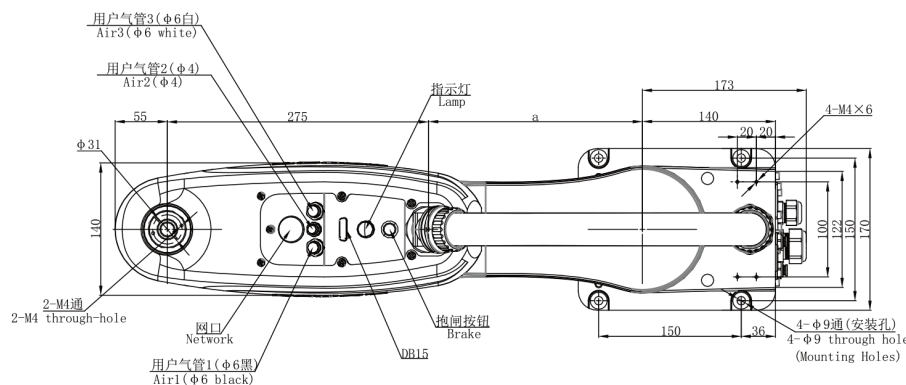
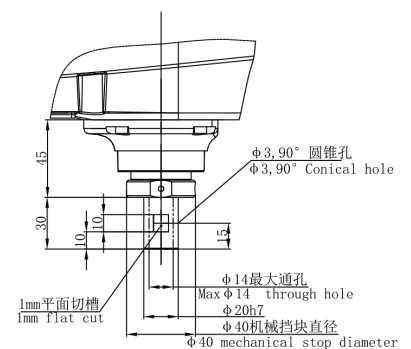
» Ngành công nghiệp

- Phù hợp cho các ngành công nghiệp như: Sản xuất điện tử, pin Lithium, điện tử ô tô, điện mặt trời (Photovoltaics).

» Kích thước



ESR6系列不同臂长机型运动范围参数 ESR6 series range of motion parameters for different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESR6-500Z20	ESR6-600Z20	ESR6-700Z20
a. 最大伸展长度 a. Max. extend length (mm)	225	325	425
b. 最大伸展高度 b. Max. extend height (mm)	565	665	765
c. 最大伸展重量 c. Max. extend weight (kg)	130	130	130
d. 最大伸展速度 d. Max. extend speed (mm/s)	200	200	200
e. 最大伸展加速度 e. Max. extend acceleration (mm/s ²)	158.1	162.6	252.9
f. 最大伸展角速度 f. Max. extend angular speed (°/s)	155.9	155.4	225.4
g. 最大伸展角加速度 g. Max. extend angular acceleration (°/s ²)	7.1	7.1	7.1
h. 最大伸展角度 h. Max. extend angle (°)	65.6	66.5	58.4
i. 最大伸展速度 i. Max. extend speed (mm/s)	626.5	626.6	564.8
j. 最大伸展重量 j. Max. extend weight (kg)	249	259	259
k. 最大伸展速度 k. Max. extend speed (mm/s)	349	349	349



ESR6系列不同臂长机型参数 ESR6 series with different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESR6-500Z20	ESR6-600Z20	ESR6-700Z20
a	225	325	425
b	565	575	585



» Thông Số Kỹ Thuật

Model	ESR6-500Z20R	
Tầm vớ	500 mm	
Tải trọng tối đa tại cổ tay	Định mức	2 kg
	Tối đa	6 kg
Trọng lượng Robot	18 kg	
Tốc độ tối đa	J1 + J2	7120 mm/ sec
	J2	1100 mm/ sec
	J3	2000°/ sec
Phạm vi chuyển động	J1	±132°
	J2	±150°
	J3	200 mm
	J4	±360°
Độ lặp lại	J1 + J2	±0.02 mm
	J3	±0.01 mm
	J4	±0.01°
Chu kỳ tiêu chuẩn	0.346 s	
Mô-men quán tính cho phép trục J4	Rated	0.01 kg· m ²
	Maximum	0.12 kg· m ²
Đường điện	D-Sub 15-Pin	
Đường khí nén	φ4 mmx1, φ6 mmx2	
Lực đẩy xuống trục J3	100 N	
Phương thức lắp đặt	Gắn sàn	
Điều kiện môi trường lắp đặt	Nhiệt độ môi trường	5~40°C
	Độ ẩm môi trường	RH ≤ 80% (không ngưng tụ, không đóng băng)

ESR6-500Z20R

Maximum payload 6 kg with maximum reach 500 mm.

Key Features

- **High rhythm and high precision:** The fastest standard cycle time can reach 0.346 s, and the robot positioning accuracy can reach 0.02 mm.
- **High rigidity and low vibration:** Robot body mode and rigidity enhancement, combined with vibration suppression and active vibration suppression functions, effectively reduce vibration.
- **Easy to maintain and scalable:** The detachable structure of cables and batteries allows for the replacement of robots inside the device, and the built-in camera network cable enables various communication extensions.

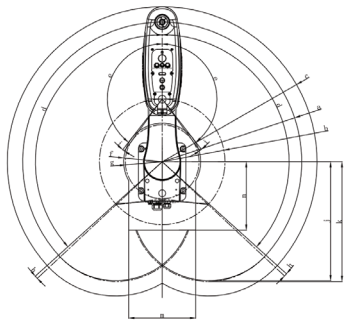
Applications

- It can be used in handling, sorting, assembly, etc

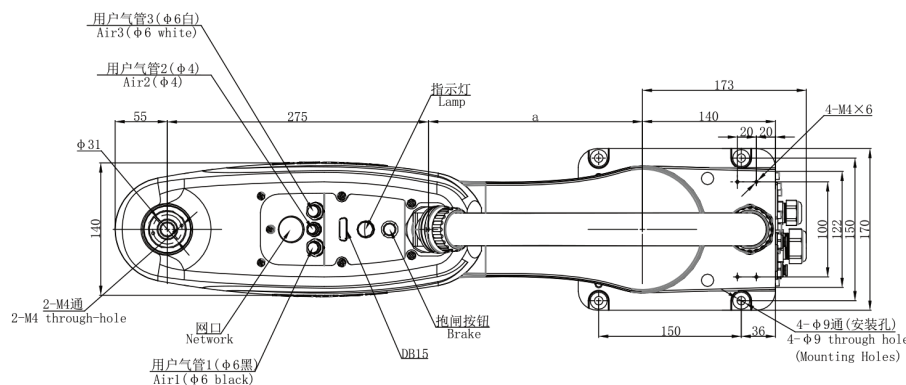
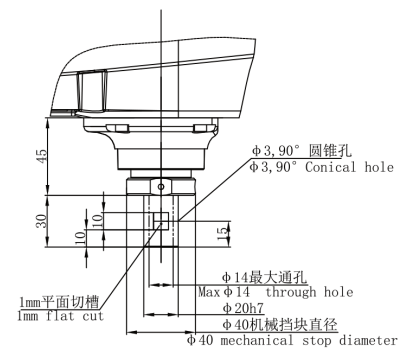
Industries

- Suitable for industries such as electronic manufacturing, lithium batteries, automotive electronics, and photovoltaics.

Appearance



ESR6系列不同臂长机型运动范围参数			
The range of motion parameters for different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESR6-500Z20	ESR6-600Z20	ESR6-700Z20
a. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	225	325	425
b. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	565	675	775
c. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	130	130	130
d. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	198.1	302.8	392.8
e. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	193.3	298.4	388.4
f. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	1	1	1
g. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	1.3	1.3	1.3
h. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	425.4	492.5	559.4
i. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	428.5	495.6	562.5
j. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	149	159	159
k. 最大臂展/最大行程长度 Max reach/Max	245	245	245



ESR6系列不同臂长机型参数			
ESR6 series with different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESR6-500Z20	ESR6-600Z20	ESR6-700Z20
a	225	325	425
b	565	575	585



» Specifications

Model		ESR6-500Z20R
Reach		500 mm
Max. payload on wrist	Rated	2 kg
	Maximum	6 kg
Robot weight		18 kg
Maximum Speed	J1 + J2	7120 mm/ sec
	J3	1100 mm/ sec
	J4	2000°/ sec
Motion range	J1	±132°
	J2	±150°
	J3	200 mm
	J4	±360°
Repeatability	J1 + J2	±0.02 mm
	J3	±0.01 mm
	J4	±0.01°
Standard cycle time		0.346 s
J4 allowable moment of inertia	Rated	0.01 kg· m ²
	Maximum	0.12 kg· m ²
Electric lines		D-Sub 15-Pin
Pneumatic lines		φ4 mmx1, φ6 mmx2
J3 downward force		100 N
Installation		Floor
Installation Environment	Ambient temperature	5~40°C
	Ambient humidity	RH ≤ 80% (No dew nor frost allowed)



CÔNG TY CỔ PHẦN RTC TECHNOLOGY VIỆT NAM

RTC TECHNOLOGY VIETNAM.,JSC

- 📍 Trụ sở chính Hà Nội - Hanoi head office
Address: 1st floor, Zone P, Hateco Apollo Building, Street 70, Xuan Phuong Ward, Hanoi, Viet Nam.
- 📍 Văn phòng Bắc Ninh - Bac Ninh office
Address: 1-8/OTM1 Townhouse , O Cach Hamlet, Yen Phong Commune, Bac Ninh, Viet Nam.
- 📍 Văn phòng Hải Phòng - Hai Phong office
Address: Seoul Eco Home Urban Area, An Duong Ward, Hai Phong, Viet Nam.
- 📍 Văn phòng Hồ Chí Minh - Ho Chi Minh office
Address: No. 26, Street 2, Phu Huu Residential Area, Long Trung Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
- 🏭 Nhà máy - Factory
Address: Dan Phuong Industrial Cluster Phase 2, Dan Phuong Commune, Hanoi, Viet Nam.
- ☎ Hotline: (+84) 981 264 068 ✉ Email: info@rtc.edu.vn
- 🌐 Website: www.rtctech.vn - www.rtc.edu.vn - www.rtctechnology.com.vn - www.agv-smart.com

INDUSTRIAL AUTOMATION SOLUTIONS

- ▶ Machine Vision
- ▶ AGV/AMR
- ▶ Smart Warehouse
- ▶ Automation Machine Builder
- ▶ IoT, SCADA, e - Factory, e - Logistics
- ▶ Service Center

